

Số: 14/2007/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Thực hiện uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 116/TB-VPCP ngày 22 tháng 5 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc, Trung, Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020” với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển viễn thông và công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần đưa vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại lớn của đất nước và khu vực Đông Nam Á, là địa bàn cầu nối để hội nhập, hợp tác kinh tế có hiệu quả với các nước trong khu vực. Đẩy mạnh phát triển viễn thông và

công nghệ thông tin tại thành phố Hồ Chí Minh làm hạt nhân lan toả và phát triển của toàn vùng KTTĐ phía Nam và động lực thúc đẩy, hỗ trợ các tỉnh khu vực phía Nam.

b) Viễn thông là ngành kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng, được phát triển đi trước một bước và phát triển toàn diện về mạng lưới, công nghệ và dịch vụ, bảo đảm an toàn mạng lưới, kết nối liên vùng và cả nước, phục vụ tốt hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất và của toàn xã hội, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hoá và phát triển bền vững, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho toàn vùng, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phục vụ hiệu quả và kịp thời cho công tác an ninh, quốc phòng trong mọi tình huống.

c) Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ thông tin làm tiền đề hỗ trợ các ngành công nghiệp khác phát triển. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại, phát huy lợi thế về tiềm năng lao động, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để khai thác nguồn vốn và công nghệ mới. Đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghiệp phần cứng.

d) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh, quốc phòng, đặc biệt tập trung ưu tiên phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới, phương thức quản lý, quy trình điều hành, trợ giúp đặc lực cho hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền địa phương, tiến tới xây dựng “tỉnh, thành phố điện tử”. Từng bước cung cấp thông tin qua mạng phục vụ người dân, doanh nghiệp, thu hút đầu tư, giúp cho người dân và doanh nghiệp làm việc với các cơ quan nhà nước nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

2. Mục tiêu và định hướng phát triển

a) Phát triển viễn thông

- Mục tiêu đến năm 2010

Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, dung lượng và tốc độ lớn, độ tin cậy cao. Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trung tâm dịch vụ viễn thông chất lượng cao, tầm cỡ quốc tế . Phát triển các dịch vụ viễn thông phục vụ phát triển kinh tế biển, công nghiệp dầu khí, đánh bắt hải sản xa bờ, phục vụ hàng hải, quản lý an toàn cứu nạn. Duy trì tốc độ tăng trưởng toàn vùng cao hơn so với bình quân cả nước, đạt từ 20% - 30%. Đẩy mạnh việc mở rộng vùng phủ sóng thông tin di động tại các vùng nông thôn. Phổ cập dịch vụ điện thoại và Internet đến thôn vào năm 2010. Đến năm 2010 mật độ điện thoại toàn vùng đạt 70 - 76 máy/100 dân (điện thoại cố định: 22 - 24 máy và điện thoại di động: 48 -

52 máy); tỷ lệ dân số sử dụng Internet là 45% - 50%. 100% số huyện và hầu hết các xã được cung cấp dịch vụ Internet băng rộng (Chỉ tiêu phát triển viễn thông đến năm 2010 của các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương vùng KTTĐ phía Nam tại Phụ lục 1).

- Định hướng phát triển đến năm 2020

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy, có độ bao phủ rộng khắp. Phát triển mạnh mạng thế hệ sau (NGN) nhằm cung cấp đa dịch vụ trên một hạ tầng thống nhất. Đẩy mạnh phát triển mạng truy nhập băng rộng để bảo đảm phát triển các ứng dụng trên mạng như: chính phủ điện tử, thương mại điện tử, đào tạo, khám chữa bệnh từ xa và các ứng dụng khác. Các mạng viễn thông di động phát triển tiến tới hệ thống thông tin di động thế hệ thứ 3 (3G) và các thế hệ tiếp sau. Phát triển các dịch vụ phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin và viễn thông, đáp ứng kịp thời nhu cầu trao đổi thông tin của toàn xã hội. Đến năm 2020, mức độ sử dụng các dịch vụ viễn thông đạt mức của các nước công nghiệp phát triển. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ viễn thông tại nông thôn ngang bằng với thành thị.

b) Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

- Mục tiêu đến năm 2010

Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin tại vùng KTTĐ phía Nam trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững, tăng trưởng cao, ổn định, định hướng vào xuất khẩu. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, tại thành phố Hồ Chí Minh; đưa thành phố Hồ Chí Minh từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp công nghệ thông tin ở khu vực Đông Nam Á. Công nghiệp công nghệ thông tin có tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 23% - 24 %/năm. Đến năm 2010, tổng giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ thông tin đạt 3,4 - 3,7 tỷ USD, chiếm khoảng 10% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng.

- Định hướng phát triển đến năm 2020

Phấn đấu trước năm 2015 công nghiệp công nghệ thông tin trở thành một ngành kinh tế chủ lực, tăng trưởng cao, làm nền tảng cho sự phát triển chung và là hạt nhân thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của vùng và các vùng lân cận. Đến năm 2020 giá trị sản xuất của công nghiệp công nghệ thông tin chiếm khoảng 20% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của toàn vùng. Vùng KTTĐ phía Nam trở thành một trung tâm về sản xuất linh kiện điện tử và sản xuất phần mềm ở khu vực Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh trở thành

một trung tâm công nghiệp công nghệ thông tin mạnh ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử và phần mềm.

c) Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin

- Mục tiêu đến năm 2010

Trong các cơ quan nhà nước, hệ thống chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời làm công cụ hữu ích cho cải cách hành chính. Tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước. Xây dựng và sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng thông tin, trang thông tin điện tử phục vụ việc trao đổi, cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan và tổ chức, cá nhân. Hoàn đầu 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử và khai thác thông tin trong công việc.

Hình thành và thúc đẩy phát triển giao dịch điện tử và thương mại điện tử cùng với việc đi vào hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số. Trang thông tin điện tử của các tỉnh, thành phố phải cung cấp và cập nhật đầy đủ thông tin về chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính, quy trình làm việc, các dự án đầu tư, đấu thầu và mua sắm công, các hoạt động trên môi trường mạng của các cơ quan, các thông tin thu hút đầu tư qua mạng. Người dân và các doanh nghiệp có thể truy nhập và sử dụng thông tin một cách nhanh chóng, dễ dàng. Một số dịch vụ khai báo, đăng ký, cấp phép được thực hiện trực tuyến.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp. Tại thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, 60% doanh nghiệp thực hiện báo cáo, thống kê, khai báo thuế, đăng ký và được cấp phép kinh doanh, nhận chứng chỉ qua mạng; Trên 50% doanh nghiệp khai báo, đăng ký và thực hiện các thủ tục Hải quan qua mạng. Khoảng 60% các doanh nghiệp lớn nắm vững kỹ năng kinh doanh trên mạng và tiến hành các giao dịch điện tử, 70% các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhận thức được lợi ích của thương mại điện tử và có những ứng dụng nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Định hướng phát triển đến năm 2020

Vào năm 2015, hoàn thành xây dựng các công trình lớn về kết cấu hạ tầng thông tin để gắn kết vùng KTTĐ phía Nam với các vùng lân cận, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông. Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông trong mọi lĩnh vực, khai thác có hiệu quả thông tin và tri thức trong tất cả các ngành. Xây dựng và phát triển Việt Nam điện tử với công dân điện tử, chính phủ điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch điện tử.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Phát triển viễn thông

Phát triển mạng chuyển mạch trong vùng, đặc biệt là khu vực thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố, thị xã, các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao, khu dịch vụ kỹ thuật, khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, các cảng, các khu đô thị vệ tinh xung quanh các thành phố lớn, các đô thị mới.

Xây dựng mạng truyền dẫn đón đầu sự phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao, khu dịch vụ kỹ thuật, sân bay, bến cảng, các khu đô thị mới, các điểm du lịch. Tăng dung lượng truyền dẫn để phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của các dịch vụ băng rộng. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các tuyến cáp quang biển. Thực hiện cáp quang hoá toàn vùng với công nghệ hiện đại. Sử dụng các công nghệ truyền dẫn tiên tiến đối với mạng truyền dẫn liên tỉnh, mạng truyền dẫn nội tỉnh, nội hạt. Xây dựng mạng theo cấu trúc mạch vòng để bảo đảm an toàn thông tin. Tập trung ưu tiên các tuyến: tuyến theo đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - Đà Lạt; theo đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Vũng Tàu; theo đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; theo đường cao tốc Bến Lức - Nhon Trạch - Long Thành; theo quốc lộ 22: thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài; theo quốc lộ 50: thành phố Hồ Chí Minh - Gò Công - Mỹ Tho; theo quốc lộ N1, N2: Chơn Thành - Trảng Bàng - Mộc Hóa - Cao Lãnh. Khai thác, sử dụng vệ tinh VINASAT để bảo đảm thông tin liên lạc tới vùng xa, hải đảo. Phát triển mạng ngoại vi theo hướng nâng cao chất lượng, hiện đại hoá. Đến năm 2010 hoàn thành ngầm hoá mạng nội hạt tại các thành phố, thị xã.

Phát triển thông tin di động theo hướng tăng dung lượng, nâng cao chất lượng phủ sóng, mở rộng vùng phủ sóng đến tất cả các xã bám theo quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ. Phát triển mạnh cung cấp dịch vụ Internet băng rộng. Đẩy mạnh phủ cập Internet đến tất cả các thôn trong vùng, đưa Internet băng rộng về các điểm Bưu điện văn hoá xã.

Phát triển và hiện đại hoá hệ thống thông tin duyên hải. Trang bị bổ sung và hiện đại hoá các đài thông tin duyên hải, trong đó bao gồm cả hai đài thông tin duyên hải thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Đẩy mạnh triển khai phủ sóng các mạng di động mặt đất công cộng trên biển. Xây dựng mạng thông tin chuyên dùng phục vụ công tác quản lý, điều hành trên biển.

Phát triển thị trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông và Internet cùng hợp tác và phát triển. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh cung cấp dịch vụ

viễn thông và Internet, đặc biệt trong lĩnh vực bán lại dịch vụ và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng.

2. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

Phát triển vùng KTTĐ phía Nam từng bước trở thành một trung tâm về công nghiệp phần cứng của khu vực Đông Nam Á với các sản phẩm chủ yếu là máy vi tính, thiết bị điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, linh kiện, phụ kiện, bản mạch, chip điện tử, vật liệu điện tử. Chuyển mạnh từ lắp ráp sang tự thiết kế chế tạo một số sản phẩm thương hiệu Việt Nam (máy tính, thiết bị điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, thiết bị nghe nhìn). Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao và nhiều giá trị gia tăng. Phấn đấu tăng tỷ trọng sản phẩm điện tử chuyên dụng lên 50% tổng sản lượng sản phẩm điện tử, đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Phát triển công nghiệp phụ trợ, sản xuất linh kiện, vật liệu điện tử.

Tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, có hàm lượng tri thức, đòi hỏi ít nhân công lao động (sản xuất vật liệu bán dẫn, các loại chip điện tử) tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn khác như Biên Hoà, Vũng Tàu. Xây dựng từ 3 tới 5 doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao trong khu vực Đông Nam Á. Phát triển các khu công nghiệp liên hiệp sản xuất các sản phẩm phần cứng và điện tử tại Đồng Nai và Bình Dương. Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp phần cứng vào các khu công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu. Trên cơ sở khai thác lợi thế đất đai và nguồn lao động địa phương, chuẩn bị các điều kiện thuận lợi, kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy lắp ráp, sản xuất các thiết bị phần cứng và điện tử hoàn chỉnh với qui mô lớn, công nghệ hiện đại tại các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang trong giai đoạn sau 2010.

Phát triển công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung là hướng ưu tiên quan trọng trên cơ sở tận dụng lợi thế về nguồn nhân lực và các quan hệ hợp tác giữa thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh, thành phố trong vùng với người Việt Nam ở nước ngoài. Tập trung phát triển vùng KTTĐ phía Nam, mà hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trung tâm về sản xuất phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin ở khu vực Đông Nam Á. Khu vực thành phố Hồ Chí Minh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp phần mềm tại Công viên phần mềm Quang Trung, khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, công viên phần mềm Sài Gòn và các khu công nghệ cao khác. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tốt để thu hút các dự án phát triển phần mềm hướng xuất khẩu. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao để đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghiệp công nghệ thông tin nói chung và công nghiệp phần mềm

và công nghiệp nội dung nói riêng. Nghiên cứu xây dựng trung tâm khoa học và chuyên gia công nghệ về công nghệ thông tin và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao cho cả vùng.

3. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước

Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, chú trọng xây dựng mạng dùng riêng của Chính phủ. Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin điều hành, quản lý ở các chính quyền cấp tỉnh; nâng cấp, mở rộng các hệ thống thông tin tại các cơ quan chuyên môn của tỉnh tới các quận, huyện. Từng bước triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin đến các cơ quan cấp xã. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nội dung chủ yếu sau:

+ Hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành và quản lý từ Chính phủ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trong vùng;

+ Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của vùng đặc biệt là các cơ sở dữ liệu về dân cư, doanh nghiệp, tài nguyên môi trường và thống kê phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội trong vùng trên cơ sở kiến trúc thông tin quốc gia và tích hợp với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương;

+ Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng, hải quan;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, công chức, quản lý hộ khẩu, nhân khẩu và các dịch vụ hành chính công khác;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, hướng tới xây dựng ngân hàng dữ liệu thông tin thống nhất về quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch;

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh và nhân rộng cho các địa phương khác.

Triển khai cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến tại các tỉnh, thành phố, nơi có đủ điều kiện về nguồn lực và mật độ người sử dụng Internet. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nội dung chủ yếu: tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu tố qua mạng; đăng ký kinh doanh trực tuyến; cấp phép sử dụng đất đai và xây dựng nhà qua mạng; kê khai thuế và bước đầu thu thuế qua mạng; khai báo, đăng ký và thực hiện các thủ tục hải quan qua mạng; đăng ký các phương tiện giao thông qua mạng; đấu thầu mua sắm tài sản công qua mạng.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá về ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử, bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử và khuyến khích các hình thức giao dịch qua mạng. Hỗ trợ xây dựng một số mô hình chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh, phát triển thương mại, giao dịch điện tử, tại thành phố Hồ Chí Minh và rút kinh nghiệm nhân rộng ra các doanh nghiệp trong vùng và trong cả nước. Hình thành các doanh nghiệp tư vấn và triển khai cung cấp các ý tưởng, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và y tế

Tích cực đổi mới phương pháp dạy và học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh đào tạo từ xa qua mạng. Tăng cường trang bị máy tính và mạng máy tính cho các trường học. Từng bước đưa môn tin học vào chương trình chính khoá ở các cấp học phổ thông. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý giáo dục, từng bước xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục. Phát triển và phổ cập hệ thống quản lý điện tử đến các bệnh viện trong vùng. Từng bước xây dựng hệ thống thông tin và tri thức về y tế, tư vấn chăm sóc sức khoẻ. Thực hiện các chương trình phối hợp chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ từ xa giữa các bệnh viện trong tỉnh, giữa các bệnh viện cấp tỉnh trong vùng với các bệnh viện trung ương.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông thôn

Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin cho người dân. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào việc cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Đẩy mạnh sử dụng các hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quy hoạch nông, lâm nghiệp, quản lý rừng, đất đai. Đẩy mạnh triển khai chương trình phổ cập tin học và nối mạng tri thức cho thanh niên nông thôn nhằm từng bước đưa công nghệ thông tin thâm nhập vào đời sống của nông dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế chính sách

a) Cơ chế chính sách về phát triển viễn thông

- Phối hợp liên ngành

Ban hành các quy định liên ngành trong việc phối hợp quy hoạch và triển khai xây dựng mạng lưới hạ tầng đồng bộ. Các dự án xây dựng công trình giao

thông phải được thông báo tới tất cả các doanh nghiệp được cấp phép thiết lập mạng viễn thông. Các doanh nghiệp viễn thông căn cứ nhu cầu, khả năng, lập dự án xây dựng mạng (cáp quang, cáp đồng), gửi chủ đầu tư xây dựng công trình giao thông trước thời điểm thi công 6 tháng, trong đó xác định rõ tiến độ phối hợp thi công, các giải pháp có liên quan đến công trình giao thông. Ngành điện thông báo cho các doanh nghiệp viễn thông kế hoạch xây dựng các tuyến truyền tải điện và hệ thống cáp quang trên đường dây tải điện. Các doanh nghiệp viễn thông chủ động đàm phán với ngành điện cơ chế cùng đầu tư và sử dụng tuyến cáp quang trên đường dây tải điện.

- Phối hợp giữa các ngành và địa phương

Các tỉnh, thành phố thông báo tới các doanh nghiệp viễn thông kế hoạch xây dựng các khu đô thị. Các doanh nghiệp viễn thông lập dự án xây dựng mạng gửi địa phương trước thời điểm thi công 6 tháng, trong đó xác định rõ tiến độ của các hạng mục, công trình. Các tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có các dự án xây dựng tuyến thông tin và công trình phụ trợ đến các khu công nghiệp; ưu đãi về thuê đất và quyền cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp xây dựng mạng và các điểm phục vụ tại các khu công nghiệp, khu du lịch. Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ nội hạt tận dụng mọi điều kiện để ngầm hoá mạng nội hạt. Trường hợp nhiều doanh nghiệp cùng có nhu cầu xây dựng tuyến cáp ngoại vi thì bắt buộc phải sử dụng chung cơ sở hạ tầng.

- Bán lại dịch vụ và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ theo hình thức đại lý, điểm truy cập dịch vụ. Khuyến khích và không hạn chế các doanh nghiệp viễn thông tham gia bán lại dịch vụ trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên cơ sở thuê kênh đường dài trong nước và quốc tế. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch cùng sử dụng chung cơ sở hạ tầng khi các dự án đầu tư, kế hoạch phát triển mạng lưới của các doanh nghiệp được phê duyệt. Từng bước thực hiện cơ chế phân tách mạch vòng nội hạt. Nghiên cứu xây dựng mô hình doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng theo hình thức công ty cổ phần.

- Đổi mới tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và hoạt động của các doanh nghiệp

Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng mạng lưới, dịch vụ tới khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng gặp nhiều khó khăn. Sử dụng Quỹ dịch vụ viễn thông công ích có hiệu quả, thiết thực cho những vùng đặc biệt khó khăn. Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng KTTĐ: cơ chế đấu thầu, mua sắm thiết bị phát triển hạ tầng mạng, chính sách về

giá cước dịch vụ, phí kết nối dịch vụ giữa các nhà khai thác trong vùng, chính sách ưu đãi đầu tư phát triển hạ tầng; từng bước xóa bỏ cơ chế giá cước điện thoại cố định liên tỉnh, áp dụng giá cước dịch vụ phù hợp cho toàn vùng.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông và Internet. Xây dựng, hoàn thiện và nâng cao năng lực của hệ thống ứng cứu, khắc phục sự cố máy tính và phòng chống tội phạm trên mạng. Áp dụng các công nghệ và giải pháp kỹ thuật mật mã làm tăng độ tin cậy, an toàn cho các giao dịch trên mạng viễn thông và Internet.

b) Cơ chế chính sách về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin tại các khu công nghiệp trên địa bàn vùng. Tạo liên kết giữa các khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong vùng để góp phần tích cực cho chuyển dịch cơ cấu các sản phẩm theo hướng tăng hàm lượng tri thức.

c) Cơ chế chính sách về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là thương mại điện tử. Khuyến khích nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thành công. Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp triển khai các hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp. Đấu thầu công khai các dự án công nghệ thông tin và mua sắm của các cơ quan nhà nước. Sớm ban hành các định mức về công nghệ thông tin.

d) Cơ chế chính sách về phát triển nguồn nhân lực

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chính sách thuê ngoài làm (outsourcing) đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của địa phương, chính sách thu hút người Việt Nam có trình độ cao về công nghệ thông tin đang làm việc ở nước ngoài; chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ chuyên gia quản lý, kinh tế, kỹ thuật giỏi, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cạnh tranh ngày càng cao để thu hút lao động có chất lượng cho phát triển viễn thông và công nghệ thông tin.

2. Về huy động vốn

Tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư cho phát triển viễn thông và công nghệ thông tin tại vùng KTTĐ phía Nam. Huy động và sử dụng tối ưu nguồn vốn trong nước cho đầu tư phát triển viễn thông. Chú trọng nguồn vốn huy động

thông qua cổ phần hoá doanh nghiệp và bán lại dịch vụ. Sử dụng nguồn vốn ODA để hỗ trợ phát triển viễn thông ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và phát triển các dịch vụ công ích. Sử dụng có hiệu quả quỹ dịch vụ viễn thông công ích. Xây dựng và triển khai chương trình kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu thế giới. Có chế độ ưu đãi đối với những dự án đầu tư có hàm lượng chất xám cao, sử dụng và khai thác nguồn nhân lực chất lượng cao tại các địa phương, các dự án có kế hoạch chuyển giao công nghệ cho phía Việt Nam. Chú trọng thu hút nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển công nghiệp phần mềm. Tập trung vốn của nhà nước cho các dự án công nghiệp công nghệ thông tin trọng điểm, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao. Huy động các nguồn vốn khác nhau cho ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là các dự án liên quan đến chính phủ điện tử. Cân đối kinh phí để bảo đảm thực hiện các dự án trọng điểm và xây dựng cơ sở hạ tầng cho ứng dụng công nghệ thông tin. (Danh mục các dự án trọng điểm phát triển viễn thông và công nghệ thông tin vùng KTTĐ phía Nam tại Phụ lục 2).

3. Về phát triển nguồn nhân lực

Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của viễn thông và công nghệ thông tin. Phân bố lại lực lượng lao động công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn vùng theo hướng chuyển dần các cơ sở sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp, sử dụng nhiều lao động đến các khu công nghiệp của các tỉnh có chi phí mặt bằng và nhân công thấp hơn. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho đào tạo về công nghệ thông tin. Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo thông tin trong các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh dạy và học tin học tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở.

4. Về phát triển khoa học công nghệ

Tập trung nghiên cứu và phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới. Đẩy nhanh quá trình xã hội hóa các hoạt động khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ. Sử dụng có hiệu quả Quỹ đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các trường đại học, các đơn vị nghiên cứu với các doanh nghiệp trong việc triển khai các đề án nghiên cứu về viễn thông và công nghệ thông tin.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Bưu chính, Viễn thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo

các doanh nghiệp phát triển hạ tầng mạng viễn thông đồng bộ với quy hoạch của các ngành khác đặc biệt là quy hoạch giao thông, đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và đề xuất các chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng mạng viễn thông, phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và khuyến khích, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại vùng KTTĐ phía Nam; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch và định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng KTTĐ phía Nam xây dựng (hoặc điều chỉnh, bổ sung) quy hoạch phát triển viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, thành phố theo định hướng quy hoạch này; đưa các nội dung triển khai quy hoạch này vào kế hoạch hàng năm, 5 năm.

3. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin căn cứ vào quy hoạch này để xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển viễn thông và công nghệ thông tin tại vùng KTTĐ phía Nam và phù hợp với tiến độ thực hiện quy hoạch của địa phương và của các ngành khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Thủ tướng CP (b/c);
- Văn phòng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án ND tối cao; Viện kiểm sát ND tối cao;
- UBND, Sở BCVT các tỉnh, T.P trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Trung Tá

PHỤ LỤC 1**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG ĐẾN NĂM 2010
các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương vùng KTTĐ phía Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BBCVT
ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)*

Tỉnh, thành phố	Mật độ điện thoại cố định (thuê bao/100 dân)	Mật độ điện thoại di động (thuê bao/100 dân)	Mật độ điện thoại (thuê bao/100 dân)	Tỷ lệ dân số sử dụng Internet (%)
Toàn vùng	22 - 24	48 - 52	70 - 76	40 - 45
Bà Rịa - Vũng Tàu	21 - 23	30 - 33	51 - 56	40 - 45
Bình Dương	25 - 27	54 - 57	79 - 84	35 - 40
Bình Phước	11 - 13	16 - 18	27 - 31	13 - 15
Đồng Nai	20 - 22	48 - 51	68 - 73	30 - 36
Long An	13 - 15	20 - 23	33 - 38	20 - 22
TP. Hồ Chí Minh	29 - 32	74 - 78	103 - 110	65 - 70
Tây Ninh	17 - 19	22 - 25	39 - 44	25 - 30
Tiền Giang	12 - 14	17 - 20	29 - 34	20 - 25

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM
phát triển viễn thông và công nghệ thông tin vùng KTTĐ phía Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2007/QĐ-BBCVT
ngày tháng năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)*

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì, thực hiện
Các dự án trọng điểm phát triển viễn thông			
1	Nhóm các dự án "Phát triển mạng NGN"	Phát triển mạng viễn thông trên cơ sở công nghệ mạng thế hệ sau	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
2	Nhóm các dự án "Mở rộng mạng nội hạt"	Mở rộng mạng nội hạt ở các địa phương, tạo cơ sở để đẩy mạnh phổ cập dịch vụ	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
3	Nhóm các dự án "Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới mạng truyền dẫn quang"	Đẩy mạnh cáp quang hoá mạng lưới về đến các xã trong vùng	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
4	Nhóm các dự án "Phổ cập điện thoại nông thôn"	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ điện thoại ở khu vực nông thôn, thu hẹp khoảng cách sử dụng dịch vụ giữa thành thị và nông thôn	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích
5	Nhóm các dự án "Phổ cập Internet nông thôn"	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ Internet ở khu vực nông thôn, thu hẹp khoảng cách sử dụng dịch vụ giữa thành thị và nông thôn	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích
6	Nhóm các dự án "Phát triển mạng điện thoại di động"	Phát triển mạng điện thoại di động, mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao chất lượng dịch vụ	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
7	Nhóm các dự án "Phát triển mạng thông tin duyên hải"	Hiện đại hoá và phát triển mạng thông tin duyên hải, hệ thống thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử hàng hải	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông

Các dự án trọng điểm phát triển, ứng dụng CNTT			
1	Dự án "Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam – tiêu dự án TP Hồ Chí Minh "	Hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, hỗ trợ phát triển thể chế nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả của hành chính công tại TP Hồ Chí Minh	Bộ BCVT, TP Hồ Chí Minh, sử dụng vốn ODA (Ngân hàng thế giới)
2	Dự án "Xây dựng và triển khai kiến trúc thông tin quốc gia" triển khai thí điểm tại TP Hồ Chí Minh	Xây dựng kiến trúc thông tin quốc gia thí điểm tại TP Hồ Chí Minh	Bộ BCVT, TP Hồ Chí Minh
3	Các dự án "Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin tại các tỉnh vùng KTTĐ phía Nam "	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan quản lý nhà nước tại 7 tỉnh vùng KTTĐ phía Nam (không tính tp Hồ Chí Minh), phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá	Bộ BCVT, 7 tỉnh, thành phố vùng KTTĐ phía Nam (không tính TP Hồ Chí Minh)
4	Dự án "Hỗ trợ phát triển thị trường và sản phẩm công nghiệp CNTT"	Thúc đẩy hoạt động sản xuất gắn kết nghiên cứu triển khai, đào tạo; thúc đẩy công nghiệp CNTT phát triển	Bộ BCVT, các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin
Các dự án trọng điểm phát triển nhân lực CNTT			
1	Dự án “Nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học về CNTT”	Nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học về CNTT tại các trường đại học trọng điểm trong vùng KTTĐ phía Nam	Bộ GD&ĐT, các trường đại học trọng điểm trong vùng
2	Dự án "Xây dựng trung tâm đào tạo nhân lực CNTT chất lượng cao"	Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực CNTT trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghiệp CNTT	Bộ GD&ĐT
3	Dự án “Xây dựng trung tâm khoa học và chuyển giao công nghệ CNTT	Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển về CNTT-TT, thúc đẩy chuyển giao công nghệ về CNTT-TT	Bộ KH&CN, Bộ BCVT